|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT CHUYÊN TỈNH LÀO CAI**  **HDC ĐỀ THI ĐỀ XUẤT** | **KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CÁC TRƯỜNG THPT CHUYÊN KHU VỰC DH&ĐBBB NĂM 2023**  **MÔN: Địa lí**  **Ngày thi**: 15/07/2023  *Thời gian làm bài:* ***180*** *phút (không kể thời gian giao đề)*  *(HDC có 05 trang, gồm 07 câu*) |

**I. Hướng dẫn chung**

- Giám khảo chấm theo hướng dẫn chấm, mọi thay đổi nội dung, biểu điểm phải được sự thống nhất của các giám khảo trong Hội đồng chấm.

- Giám khảo chấm điểm đến 0,25 điểm, điểm các câu và điểm toàn bài không được làm tròn.

- Chỉ chấm điểm tối đa khi thí sinh lập luận tốt, không sai sót về kiến thức kỹ năng.

- Thí sinh có cách diễn đạt khác nhưng đúng về kiến thức và phù hợp với nội dung câu hỏi, giám khảo vẫn cho điểm tối đa.

**II. Đáp án và biểu điểm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Ý** | **Nội dung chính** | **Điểm** |
| **1**  **(3,0 điểm)** | ***a*** | ***Phân biệt hai vòng tuần hoàn của nước trên Trái Đất.*** | ***1,50*** |
| Nước trên Trái Đất tham gia vào 2 vòng tuần hoàn lớn và nhỏ:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Vòng tuần hoàn | Nhỏ | Lớn | | Phạm vi | Tại chỗ, hẹp hơn (ở lục địa hoặc đại dương) | Quy mô lớn (giữa lục địa với đại dương) | | Quá trình | 2 quá trình (d/c) | 4 quá trình (d/c) | | Thời gian | Ngắn hơn… | dài hơn … | | Tác nhân | Bức xạ Mặt Trời | Bức xạ Mặt Trời, gió, khí áp… | | Lượng nước tham gia | Lớn chiếm 98% tổng lượng nước tham gia vòng tuần hoàn | Nhỏ chiếm 2% tổng lượng nước tham gia vòng tuần hoàn. | | Ý nghĩa | Trao đổi nhiệt, ẩm giữa bề mặt đất với không khí. | Trao đổi vật chất, năng lượng giữa lục địa - đại dương. | | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **b** | ***Phân tích vai trò của nước trong tự nhiên. Nguyên nhân nào làm cho nước trên Trái Đất luôn vận động?*** | ***1,50*** |
| ***\* Vai trò của nước trong tự nhiên:***  - Nước chiếm khối lượng lớn trên TĐ và có nhiều đặc tính riêng nên có vai trò hết sức quan trọng trong tự nhiên:  + Đối với khí hậu: Cung cấp độ ẩm cho khí quyển, giữ nhiệt từ năng lượng bức xạ và phát xạ, thay đổi thời tiết và khí hậu.  + Đối với địa chất, địa hình: Hình thành các dạng địa hình khác nhau (thung lũng sông, địa hình băng hà.....), biến đổi địa hình, giữ vai trò chủ đạo tạo đá trầm tích.  + Đối với thổ nhưỡng: Hình thành các loại đất hoặc biến đổi các loại đất *(dẫn chứng).*  + Đối với sinh vật: Vai trò quyết định đối với sự tồn tại và phát triển của sinh vật trên trái đất *(dẫn chứng).*  ***\* Nguyên nhân làm cho nước luôn vận động:***  - Năng lượng bức xạ Mặt Trời làm cho nước trên bề mặt Trái Đất chuyển đổi trạng thái.  - Hoạt động của gió, khí áp, địa hình….làm nước di chuyển. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **2**  **(2,0 điểm** | **a** | ***Giải thích tại sao sản xuất nông nghiệp thường có tốc độ tăng trưởng thấp hơn sản xuất công nghiệp?*** | ***1,00*** |
| - Về tư liệu sản xuất: Nông nghiệp tư liệu sản xuất là đất đai. Công nghiệp là máy móc thiết bị.  - Về đối tượng sản xuất: Nông nghiệp là các vật nuôi, cây trồng, cá thể sống nên phân tán trong không gian, phụ thuộc và tự nhiên, sản xuất mang tính mùa vụ và tính rủi ro cao, năng suất thấp. Công nghiệp là nguyên vật liệu, ít phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên, sản xuất tập trung, liên tục, song mang tính chuyên môn hóa, liên hợp hóa, hợp tác hóa, năng suất cao hơn.  - Về sử dụng lao động: Nông nghiệp cần nhiều lao động nhưng trình độ không cao, năng suất thấp. Công nghiệp cần nhiều lao động có trình độ cao, năng suất lao động cao hơn nhiều nông nghiệp.  - Về ứng dụng khoa học công nghệ: Nông nghiệp mất thời gian dài, hiệu quả chậm. Công nghiệp luôn đổi mới, tạo sự biến đổi nhanh về hiệu quả. | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| ***b*** | ***Chứng minh rằng biến đổi khí hậu toàn cầu có tác động lớn đến hoạt động sản xuất nông nghiệp.*** | ***1,00*** |
| **-** Biến đổi khí hậu…  - Tác động của biến đổi khí hậu đến sản xuất nông nghiệp  + Biến đổi khí hậu làm gia tăng thiên tai, kiểu thời tiết cực đoạn, sâu bệnh và dịch bệnh gây thiệt hại lớn cho năng suất, sản lượng cây trồng, vật nuôi; tính bấp bênh, không ổn định của nền nông nghiệp.  + Biến đổi khí hậu làm cho nhiệt độ Trái Đất tăng -> mực nước biển dâng cao thu hẹp diện tích đất ven biển màu mỡ vốn từng được sử dụng cho nông nghiệp.  + Thời tiết thay đổi đặt ra yêu cầu nông dân phải áp dụng các biện pháp nông nghiệp mới thích ứng với điều kiện khí hậu và đất đai bị thay đổi. | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **3**  **(3,0 điểm)** | ***a*** | ***Chứng minh rằng các giai đoạn địa chất có ảnh hưởng đến địa hình nước ta.*** | ***1,50*** |
| **\*** Lịch sử lãnh thổ nước ta đã trải qua ***3 giai đoạn*** địa chất lớn (dẫn chứng), các vận động địa chất trong các giai đoạn này đã ảnh hưởng sâu sắc đến đặc điểm địa hình nước ta.  ***\* Giai đoạn tiền Cambri***: hình thành nền móng ban đầu cho lãnh thổ Việt Nam (4 khối cổ - là hạt nhân định hướng cho sự hình thành các dãy núi và các đứt gãy địa chất ở các giai đoạn sau).  Dẫn chứng: Khối vòm sông Chảy có hình dạng khá tròn tạo hướng vòng cung cho các dãy núi ở vùng Đông Bắc. Khối Hoàng Liên Sơn và khối thượng nguồn sông Mã định hướng cho các hãy núi TB - ĐN ở vùng Tây Bắc và Trường Sơn Bắc…  ***\* Giai đoạn Cổ kiến tạo:*** xảy ra 4 vận động tạo núi lớn … Kết thúc giai đoạn Cổ kiến tạo lãnh thổ nước ta đã kết thúc chế độ địa máng và chuyển sang chế độ nền như ngày nay.  ***\* Giai đoạn Tân kiến tạo:*** diễn ra vận động tạo núi Anpơ – Himalaya: làm cho địa hình nước ta trẻ lại, có tính phân bậc và tạo hướng nghiêng của địa hình là TB - ĐN như ngày nay.  Vận động Tân kiến tạo làm cho địa hình trẻ lại, trong điều kiện nhiên nhiên nhiệt đới ẩm đã thúc đẩy các quá trình ngoại lực và kết quả là tạo ra nhiều dạng địa hình bóc mòn và bồi tụ độc đáo, quá trình này vẫn đang tiếp tục làm thay đổi diện mạo địa hình. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| ***b*** | ***Sự phong phú và phức tạp của đá mẹ tác động như thế nào tới sự hình thành đất ở nước ta*** | ***1,50*** |
|  | Thành phần đá mẹ ở Việt Nam rất phong phú tuy nhiên có thể gộp lại thành 3 nhóm chính:  - Nhóm đá mẹ axit có nhiều ở miền núi phía Bắc, Trường Sơn … hình thành đất có tính chất lí hóa là thành phần cơ giới nhẹ, thấm khí và nước tốt, nhưng khả năng giữ nước và chất dịnh dưỡng kém, chua…  - Đá mẹ bazơ gồm một số loại như đá mắcma, đá phiến, đá trầm tích hữu cơ …có nhiều ở Tây Nguyên, vùng núi phía Bắc… hình thành đất có thành phần cơ giới nặng hơn, thấm nước và khí kém nhưng khả năng giữ hà hút nước tốt, giàu dinh dưỡng hơn.  - Trầm tích phù sa phân bố ở các vùng đất trẻ tại các vùng châu thổ sông và các bãi bồi thấp ven biển… | 0,25  0,50  0,50  0,25 |
| **4**  **(3,0 điểm)** | ***a*** | ***Biến đổi khí hậu toàn cầu đã, đang tác động và làm thay đổi những thành phần tự nhiên nào ở nước ta?*** | ***1,50*** |
| - Khái quát về biến đổi khí hậu…. ảnh hưởng trực tiếp, gián tiếp đến tất cả các thành phần tự nhiên.  - Sự thay đổi thất thường của thời tiết, khí hậu, gia tăng thiên tai *(dẫn chứng).*  - Chế độ nước sông thất thường, hiện tượng lũ phức tạp.  - Địa hình, nhất là ở khu vực miền núi bị xâm thực mạnh (sạt lở, xói mòn…)  - Đất ở đồng bằng sông Cửu Long gia tăng nhiễm mặn do nước biển dâng.  - Thành phần sinh vật thay đổi (diện tích rừng giảm, nhiều loài sinh vật biến mất...). | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| ***b*** | ***Giải thích sự khác nhau về địa hình của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ với miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.*** | ***1,50*** |
| **\*** Biểu hiện:  - Miền TB và BTB có nền địa hình cao hơn, độ dốc và độ cắt xẻ lớn hơn; hướng núi chính là TB – ĐN, tính chất chuyển tiếp giữa miền núi với đồng bằng không thể hiện rõ; ĐB hẹp, kém phát triển hơn.  **-** Miền Bắc và ĐBBB có nền địa hình thấp, độ dốc và độ cắt xẻ nhỏ hơn; hướng núi chính là hướng vòng cung, tính chất chuyển tiếp giữa miền núi với đồng bằng rõ nét; ĐB rộng và phát triển mạnh.  \* Nguyên nhân của sự khác nhau  **-** Miền Tây Bắc và BTB có địa hình núi cao và dốc hơn do miền thuộc địa máng Việt – Lào chịu tác động mạnh của vận động tạo sơn Anpơ – Himalya trong giai đoạn Tân kiến tạo; còn miền Bắc và ĐBBB nằm rìa khối nền Hoa Nam vững chắc nên vận động nâng yếu.  - Miền Tây Bắc và BTB có hướng núi chịu sự quy định hướng của khối nền cổ Hoàng Liên Sơn, sông Mã, Pu Hoạt có hướng Tây Bắc – Đông Nam; còn miền Bắc và ĐBBB chịu sự quy định hướng của khối vòm sông Chảy.  - Miền Tây Bắc và BTB có tần suất nâng lên mạnh hơn nên hình thành dãy núi cao; còn ở miền Bắc và ĐBBB tần suất nâng yếu và giảm dần nên xuất hiện địa hình trung du chuyển tiếp.  - Miền Tây Bắc và BTB có đồng bằng nhỏ hẹp do được hình thành trên thềm lục địa hẹp, sâu, phù sa sông ít, tốc độ lấn biển chậm; còn miền Bắc và ĐBBB đồng bằng được hình thành trên thềm lục địa nông, rộng, phù sa sông nhiều, tốc độ lấn biển lớn hơn. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **5**  **(3,0 điểm)** | ***a*** | ***Trình bày và giải thích sự phân hóa trong phân bố dân cư của vùng trung du và miền núi Bắc Bộ.*** | ***1,50*** |
| - Phân hóa trong phân bố dân cư:  + Giữa hai tiểu vùng Đông Bắc và Tây Bắc: Dân cư tập trung chủ yếu ở Đông Bắc; thưa thớt ở Tây Bắc; mật độ dân số Đông Bắc cao hơn hơn Tây Bắc (d/c).  + Giữa khu vực núi cao, biên giới phía Bắc và khu vực trung du, ven đồng bằng sông Hồng: Tập trung chủ yếu ở vùng trung du, ven đồng bằng sông Hồng (d/c); vùng núi cao, biên giới mật độ thấp (d/c).  + Giữa thành thị với nông thôn, giữa các tỉnh và ngay trong nội bộ từng tỉnh phân bố dân cư cũng không đều (diễn giải).  - Nguyên nhân: Sự phân hóa về điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội, lịch sử cư trú, tập quán sinh sống của các dân tộc trong vùng:  + Vùng trung du, núi thấp giao thông dễ dàng; núi cao địa hình hiểm trở khó khăn cho cư trú, sản xuất hơn.  + Trình độ phát triển kinh tế: khu ven biển, ven đồng bằng sông Hồng có kinh tế phát triển hơn, có khả năng tạo việc làm, chất lượng cuộc sống cao hơn.  + Truyền thống định cư, tập quán canh tác của các dân tộc khác nhau: Người Kinh và một số dân tộc dân số đông hơn tập trung định cư ở vùng thấp; dân tộc ít người, du canh du cư ở vùng núi cao. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| ***b*** | ***Tại sao ở nước ta quá trình đô thị hóa luôn theo sát quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa?*** | ***1,50*** |
| - Khái niệm đô thị hóa, công nghiệp hóa.  - Đây là xu thế chung của quá trình đô thị hoá và công nghiệp hóa là chủ trương của nhà nước.  + Kết quả của quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa tạo ra số dân phi nông nghệp và tập trung ở các đô thị tạo điều kiện để hình thành và mở rộng quy mô các đô thị *(diễn giải).*  + Quy mô sản xuất công nghiệp mở rộng tạo sự mở rộng của các đô thị hình thành các đô thị lớn *(diễn giải).*  + Những vùng có mức độ tập trung sản xuất công nghiệp cao *(dẫn chứng)* tạo ra các đô thị lớn và ngược lại *(diễn giải).*  **+** Tuy nhiên, quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa của nước ta diễn ra còn chậm, sản xuất công nghiệp nước ta chưa thực sự phát triển nên tỉ lệ dân thành thị thấp, kết cấu đô thị chưa hiện đại, phần lớn đô thị gắn chức năng hành chính. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **6**  **(3,0 điểm)** |  | **Nhận xét và giải thích sự phân bố ngành CN chế biến lương thực – thực phẩm.** | **3,00** |
| - Phân bố rộng rãi trong cả nước và gần nguồn nguyên liệu, gần nơi tiêu thụ song không đều theo không gian và cơ cấu ngành:  \* Phân bố theo lãnh thổ: Một số phân ngành gắn vùng nguyên liệu: CN xay xát, mía đường. Một số phân ngành gắn đô thị, khu tập trung đông dân: CN sản xuất bánh kẹo, sữa, bia... TTCN thực phẩm lớn nhất nước: Hà Nội, TP Hồ Chí Minh  \* Phân bố theo cơ cấu ngành:  + Chế biến sản phẩm trồng trọt:  - Lương thực: Khắp nơi, chủ yếu ở ĐBSH, ĐBSCL.  - Chè, cà phê, thuốc lá, hạt điều: Tập trung ở Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ.  - Rượu, bia, nước giải khát: Ở các đô thị lớn (Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng…).  - Đường, sữa, bánh kẹo: Khắp nơi, tập trung ở Đông Nam Bộ, ĐBSH và các tỉnh Sơn La, Thanh Hoá, Nghệ An, Cần Thơ.  + Chế biến sản phẩm chăn nuôi: sản phẩm sữa và từ sữa, sản phẩm thịt và từ thịt tập trung ở nơi nuôi nhiều và nơi tiêu thụ nhiều như ĐBSH, ĐBSCL và các tỉnh: Sơn La, Thanh Hoá, Bình Định, Khánh Hoà…  + Chế biến sản phẩm thuỷ, hải sản: Tập trung ở ĐBSCL, Duyên hải Nam Trung Bộ, ĐBSH.  \* Giải thích  - Có nguồn nguyên liệu phong phú (từ trồng trọt, chăn nuôi và thuỷ sản) có mặt ở khắp mọi nơi. Một số nguyên liệu không để được lâu.  - Sản phẩm đáp ứng nhu cầu thường xuyên, thiết yếu của dân cư và ngày càng có xu hướng tăng.  - Một số sản phẩm của ngành đang trở thành mặt hàng xuất khẩu chủ lực đem lại nguồn thu ngoại tệ lớn phục vụ đắc lực cho quá trình CNH – HĐH//(diễn giải). | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,50 |
| **7**  **(3,0 điểm)** | ***a*** | ***Nhận xét và giải thích về diện tích các loại cây trồng của nước ta, giai đoạn 2005 - 2020.*** | ***3,00*** |
| \* Nhận xét:  - Quy mô lớn, không đều giữa các loại cây//(dẫn chứng).  - Tốc độ tăng trưởng: có sự khác nhau giữa các nhóm cây//(diễn giải).  - Cơ cấu và chuyển dịch cơ cấu:  **Cơ cấu diện tích các loại cây trồng phân theo nhóm cây của nước ta, giai đoạn 2005 – 2020**  *(Đơn vị: %)*   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Năm** | **Tổng số** | **Cây lương thực**  **có hạt** | **Cây công nghiệp hằng năm** | **Cây công nghiệp lâu năm** | **Cây ăn quả** | **Cây khác** | | 2005 | 100 | 63,1 | 6,5 | 12,3 | 5,8 | 12,4 | | 2010 | 100 | 61,3 | 5,7 | 14,3 | 5,5 | 13,2 | | 2015 | 100 | 60,3 | 4,5 | 14,4 | 5,5 | 15,3 | | 2020 | 100 | 56,8 | 3,2 | 15,1 | 7,8 | 17,2 |   **+** Tỉ trọng diện tích các loại nhóm cây không đều//(dẫn chứng).  + Chuyển dịch cơ cấu: có sự thay đổi//(diễn giải).  \* Giải thích:  - Quy mô diện tích lớn do nước ta có nhiều điều kiện tự nhiên thuận lợi cho phát triển ngành trồng trọt (diễn giải).  - Các nhóm cây có diện tích và tốc độ tăng trưởng khác nhau do có sự khác nhau về điều kiện tự nhiên và nhu cầu thị trường.  - Diện tích cây lương thực chiếm tỉ trọng lớn nhất do có vai trò quan trọng trong cung cấp nguồn lương thực trong nước và cho xuất khẩu.  - Chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng giá trị cao và phù hợp với nhu cầu thị trường. | 0,50  0,50  0,50  0,50  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **Cộng: Câu 1 + Câu 2 + Câu 3 + Câu 4 + Câu 5 + Câu 6 + Câu 7** | | | **20,00** |